TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VT** **TỈNH VP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/02/2024
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VP

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Xuân Tiến; ông Phùng Văn Thông.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị An – Thư ký Toà án nhân dân huyện VT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VT, tỉnh VP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024, về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1992, (vắng mặt);

Nơi cư trú: TDP SP, thị trấn ĐĐ, huyện TĐ, tỉnh VP;

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn N, sinh năm 1991, (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn M, xã TT, huyện VT, tỉnh VP;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 12 năm 2023, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H trình bày: Chị kết hôn với anh Bùi Văn N ngày 01/3/2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện VT, tỉnh VP. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị H và anh N thuê nhà sinh sống và làm việc tại TDP SP, xã ĐĐ, huyện TĐ. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống do anh N chơi bời cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù nhiều lần chị H đã khuyên bảo anh N thay đổi để cùng nhau làm kinh tế, chăm lo cho gia đình nhưng anh N không thay đổi dẫn đến cuộc hôn nhân giữa chị H và anh N rơi vào bế tắc trầm trọng hơn. Đến tháng 10 năm 2021 chị H và anh N đã sống ly thân, anh N về nhà mẹ đẻ sinh sống tại thôn M, xã TT, huyện VT, tỉnh VP cho đến

nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên gia đình đã khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng bản thân anh N không thay đổi được nên chị H không thể chung sống cùng anh N. Từ khi anh N bỏ đi chỉ thỉnh thoảng gọi điện hỏi thăm con cái không nhắc gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không cấp dưỡng gì cho con. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh N, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh Bùi Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 17/11/2011, cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 06/12/2013 và cháu Bùi Diệp N, sinh ngày 31/10/2016. Hiện nay, các con đang ở cùng với chị tại TDP SP, xã ĐĐ, huyện TĐ. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu Q, V, N và không đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay chị H đang làm công nhân tại Công ty IM VINA; địa chỉ: Khu Công nghiệp Bá Thiện 2, Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh VP. Thu nhập trung bình mỗi tháng của chị H từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, chị đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc cháu Q, cháu V, cháu N.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Qua xác minh tại địa phương và làm việc với bà Nguyễn Thị TH mẹ đẻ anh N, bà TH trình bày: Chị H và anh N đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, sau khi kết hôn chị H về sinh sống cùng gia đình bà một thời gian thì hai vợ chồng anh chị chuyển đến huyện TĐ mở xưởng làm ăn. Đến năm 2022 anh N về sinh sống và làm việc tại thôn M, xã TT, huyện VT, tỉnh VP cho đến nay. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh N như thế nào thì bà không được rõ. Chị H xin ly hôn anh N bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung chị H, anh N có 03 con chung cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 17/11/2011, cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 06/12/2013 và cháu Bùi Diệp N, sinh ngày 31/10/2016, hiện nay các cháu đều ở cùng chị H, anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết con chung theo quy định của pháp luật. Anh N đi làm ăn nhưng thường xuyên có mặt ở nhà, các lần Tòa án gửi giấy báo, văn bản, thông báo của Tòa án bà đều nhận được, bà thông báo và gửi cho anh N, anh N biết nhưng không có ý kiến gì. Lý do gì anh N không đến Tòa án làm việc bà không rõ.

Biên bản xác minh ngày 17/01/2024 tại UBND xã TT thể hiện: Chị H và anh N đăng ký kết hôn ngày 13/01/2011 tại UBND xã TT trên cơ sở tự nguyện không ai bị ép buộc. Nguyễn nhân mâu thuẫn vợ chồng và thời điểm anh chị sống ly thân như thế nào địa phương không rõ về không có báo cáo và không có đơn ly hôn nộp tại địa phương. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về con chung chị H, anh N khai sinh cho 03 con là cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 17/11/2011, cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 06/12/2013 và cháu Bùi Diệp N, sinh ngày 31/10/2016. Chị H yêu cầu Tòa án

giải quyết về con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ của anh chị địa phương không rõ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT trình phát biểu quan điểm: Về thủ tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện VT không có yêu cầu hay kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Mỹ H. Xử cho chị Nguyễn Mỹ H được ly hôn anh Bùi Văn N.

Xử về nuôi con chung: giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 17/11/2011; cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 06/12/2013 và cháu Bùi Diệp N, sinh ngày 31/10/2016 đến khi thành niên, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Mỹ H khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Văn N, chị H có quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn anh N. Bị đơn anh N có nơi cư trú tại thôn M, xã TT, huyện VT, tỉnh VP nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh VP theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Bùi Văn N vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Mỹ H và anh Bùi Văn N là hôn nhân hợp pháp, được UBND xã TT, huyện VT đăng ký kết hôn. Theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh N chơi bời cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù nhiều lần chị H đã khuyên bảo anh N thay đổi để cùng nhau làm ăn kinh tế và chăm lo cho gia đình nhưng anh N không thay đổi dẫn đến cuộc sống hôn nhân giữa chị H và

anh N rơi vào bế tắc trầm trọng hơn. Chị H và anh N đã sống ly thân từ năm tháng 10/2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh N không quan tâm gì đến nhau, anh N cũng không hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh N cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết việc chị H có đơn xin ly hôn anh, phần nào thể hiện anh N không có nguyện vọng hòa giải đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vì vậy đề nghị xin ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về nuôi con chung: Xét đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 17/11/2011; cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 06/12/2013 và cháu Bùi Diệp N, sinh ngày 31/10/2016 của chị H là có căn cứ vì từ khi anh chị sống ly thân các con ở cùng chị H, do chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, anh N không quan tâm cũng như không cấp dưỡng cho chị H nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án anh N đều vắng mặt. Cháu Q, cháu Vi, cháu Nhi đều có nguyện vọng sinh sống cùng với chị H. Hiện nay, chị đang việc tại Khu Công nghiệp Bá Thiện 2, Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh VP, thu nhập trung bình mỗi tháng của chị H từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Do vậy để bảo đảm quyền lợi cho các con, giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Chị H không đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: chị không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Bùi Văn N vắng mặt nên không có lời khai và đề nghị của anh. Khi nào anh có yêu cầu về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử: Cho chị Nguyễn Mỹ H được ly hôn anh Bùi Văn N.

2/ Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Mỹ H được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 03 con chung là cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 17/11/2011; cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 06/12/2013 và cháu Bùi Diệp N, sinh ngày 31/10/2016. Hiện nay cháu Q, cháu V, cháu N đang ở cùng chị H. Anh N không

phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Sau khi ly hôn anh N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Mỹ H phải chịu 300.000đ án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004685 ngày 04/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự VT. Chị H đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện VT;
- Chi cụcTHADS huyện VT;
- Các đương sự;
- UBND xã TT;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Huyền